

Số: 1599/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 4 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định 346/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 07 năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình đào tạo, trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Sư phạm (có Bộ chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Bộ chương trình đào tạo, trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 25 trở đi.

Điều 3. Trường phòng Phòng Đào tạo, Trường các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *B*

Nơi nhận:

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (3).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số: *2599* /QĐ-ĐHSP, ngày *24* tháng *8* năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

1. Chương trình đào tạo thạc sĩ Toán giải tích
2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Đại số và lý thuyết số
3. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Toán
4. Chương trình đào tạo thạc sĩ Hóa vô cơ
5. Chương trình đào tạo thạc sĩ Hóa hữu cơ
6. Chương trình đào tạo thạc sĩ Hóa phân tích
7. Chương trình đào tạo thạc sĩ Di truyền học
8. Chương trình đào tạo thạc sĩ Sinh học thực nghiệm
9. Chương trình đào tạo thạc sĩ Sinh thái học
10. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Sinh học
11. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Văn-T. Việt
12. Chương trình đào tạo thạc sĩ Văn học Việt Nam
13. Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam
14. Chương trình đào tạo thạc sĩ Lịch sử Việt Nam
15. Chương trình đào tạo thạc sĩ Địa lý tự nhiên
16. Chương trình đào tạo thạc sĩ Địa lý học
17. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Địa lý
18. Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản Lý giáo dục
19. Chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học
20. Chương trình đào tạo thạc sĩ Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)
21. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH BM Lý luận chính trị
22. Chương trình đào tạo thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Vật lý
23. Chương trình đào tạo thạc sĩ Vật lý chất rắn

Danh sách gồm 23 chương trình đào tạo./.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Chuyên ngành: Địa lí học

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ tín chỉ			Mã số các HP tiên quyết
				Lý thuyết	TH/ TL/ Xêmina	Bài tập	
I	PHẦN I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			9			
1	PHI514	Triết học	4	3	1		
2	ENG515	Tiếng Anh	5	3	2		
II	PHẦN II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH						
II.1	Kiến thức cơ sở			22			
II.1.1	Bắt buộc			15			
3	FPG 523	Những vấn đề địa lý tự nhiên đại cương	3	2	1		
4	ESG 523	Những vấn đề địa lý KT-XH đại cương	3	2	1		
5	GIS 523	GIS và Viễn thám ứng dụng	3	2	1		
6	MAC 522	Bản đồ học nâng cao	2	1	1		
7	PTG 523	Những vấn đề dạy học địa lí trên Thế giới và Việt Nam	2	1	1		
8	VES 522	Địa lí Biển Đông Việt Nam	2	1	1		
II.1.2	Tự chọn (chọn 3/7 môn)			7			
9	MRG523	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học địa lí	3	2	1		
10	VTN 522	Lịch sử phát triển lãnh thổ và xác lập biên giới quốc gia Việt Nam	2	1	1		
11	GOT 522	Địa lý du lịch	2	1	1		
12	ERE 522	Kinh tế tài nguyên và môi trường	2	1	1		
13	ESD 522	Môi trường và Phát triển bền vững	2	1	1		

14	MTT 522	Lí luận dạy học hiện đại	2	1	1		
15	EPG 523	Tiếng Anh chuyên ngành	3	2	1		
II.2	Kiến thức chuyên ngành		16				
II.2.1	Bắt buộc		10				
16	ETO533	Tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế	3	2	1		ESG 523
17	GEV 533	Những vấn đề địa lí KT-XH Việt Nam	3	2	1		ESG 523
18	RDT 532	Phát triển vùng	2	1	1		ESG 523
19	PSP 532	Những vấn đề xã hội trong địa lí dân cư	2	1	1		
II.2.2	Tự chọn (chọn 2/4 môn)		6				
20	CCR 533	Văn hoá và các vùng văn hoá Việt Nam	3	2	1		
21	GRW 533	Địa chính trị khu vực và thế giới	3	2	1		
22	GNM 533	Địa lý Trung du miền núi phía Bắc	3	2	1		
23	ENR 533	Cộng đồng các dân tộc với việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên	3	2	1		
III	Luận văn		13				
Tổng cộng			60				